

TRUNG TÂM TRƯỜNG VINH — LAIXETRUONGVINH.COM

ĐÁP ÁN 10 ĐỀ THI THỬ LÝ THUYẾT HẠNG B

Dùng để chấm các đề từ 06.1 đến 06.10

Mã tài liệu: 06.11 · Cập nhật: tháng 9/2026

Cách chấm: mỗi câu đúng 1 điểm. Đạt khi đúng từ 27 câu trở lên và không sai câu điểm liệt. Câu điểm liệt được đánh dấu **ĐIỂM LIỆT**.

ĐỀ SỐ 01

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	118	1	18 tuổi.
2	95	4	Cả ba ý trên.
3	122	2	24 tuổi.
4	17	1	Là thiết bị có đủ khả năng bảo đảm an toàn cho trẻ em ở tư thế ngồi hoặc nằm trên xe ô tô, được thiết kế để giảm nguy cơ chấn thương cho người dùng trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc xe ô tô giảm tốc độ đột ngột, bằng cách hạn chế sự di chuyển của cơ thể trẻ em.
5	109	1	Xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái hoặc khi xe chuyển hướng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái.
6	130	2	Xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg.
7	38	1	Theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.
8	75	4	Xử phạt cả người điều khiển và người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy.
9 ĐIỂM LIỆT	72	2	Đi xe dàn hàng ngang, đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ.
10	184	3	Cả hai ý trên.

11	218	3	Vào số một (1) và từ từ cho hai bánh xe trước xuống rãnh, tăng ga cho hai bánh xe trước vượt lên khỏi rãnh, tiếp tục để bánh xe sau từ từ xuống rãnh rồi tăng dần ga cho xe ô tô lên khỏi rãnh.
12	281	2	Dùng để truyền hoặc ngắt truyền động từ động cơ đến hộp số của xe ô tô
13	414	1	Biển 1.
14	409	2	Biển 2.
15	410	2	Biển 2.
16	325	2	Biển 2.
17	480	1	Phân chia hai chiều xe chạy ngược chiều nhau.
18	360	1	Biển 1.
19	386	3	Biển 3.
20	364	1	Tốc độ tối đa các xe cơ giới được phép chạy.
21	302	4	Biển 1 và biển 2.
22	531	3	Xe con.
23	565	2	Xe khách, xe mô tô.
24	577	2	Không được vượt những người đi xe đạp.
25	523	3	Hướng 1 và 5.
26	534	1	Xe khách và xe tải, xe con.
27	584	4	Xe của bạn, xe con, xe tải.
28	556	2	Không được vượt.
29	569	1	Xe con.
30	568	2	Xe con, xe của bạn, xe mô tô.

ĐỀ SỐ 02

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	57	2	Trước khi thay đổi làn đường.
2	126	3	Cả hai ý trên.

3	166	3	Chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.
4	7	1	Là người điều khiển xe cơ giới
5	113	3	Cả hai ý trên.
6	128	2	Xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg.
7	62	2	Song song cùng chiều với một xe khác đang dừng, đỗ trên đường; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc mà tầm nhìn bị che khuất; bên trái đường một chiều.
8	108	1	Có chướng ngại vật phía trước, xe chạy phía trước có tín hiệu vượt xe khác.
9 ĐIỂM LIỆT	252	1	Nhả bàn đạp ga, về số thấp, đạp phanh chân với mức độ phù hợp để giảm tốc độ.
10	194	4	Cả ba ý trên.
11	243	1	Giảm tốc độ, về số thấp và giữ đều ga.
12	289	1	Báo hiệu hệ thống chống bó cứng phanh bị lỗi.
13	444	3	Biển 3.
14	328	1	Biển 1 và biển 2.
15	446	3	Biển hạn chế tốc độ tối đa trong khu vực.
16	419	1	Báo hiệu đường có ổ gà, lồi lõm.
17	422	1	Để báo trước gần tới đoạn đường có hiện tượng đất đá từ trên ta luy dương sụt lở bất ngờ gây nguy hiểm cho xe cộ và người đi đường.
18	471	3	Biển 3.
19	377	1	Để chỉ nơi đường sắt giao vuông góc với đường bộ không có rào chắn.
20	450	1	Biển 1.
21	332	4	Biển 1 và biển 2.
22	513	1	Cả hai xe đều đúng.
23	521	1	Chỉ hướng 1.
24	537	4	Hướng 1, 3 và 4.

25	516	1	Xe khách.
26	598	2	Không được vượt.
27	519	2	Hướng 1, 3 và 4.
28	594	1	Hướng 1.
29	566	3	Xe tải (D), xe con (B).
30	514	1	Hướng 2 và 3.

ĐỀ SỐ 03

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	137	1	Phải đủ tuổi, sức khỏe theo quy định của pháp luật; có giấy phép lái xe đang còn hiệu lực, còn hiệu lực phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan có thẩm quyền cấp (trừ người lái xe gắn máy).
2	94	2	Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng quân sự, công an và kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật; đoàn xe tang.
3	119	3	18 tuổi.
4	16	1	Là một cấp kỹ thuật của đường bộ, chỉ dành cho một số loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Có dải phân cách phân chia hai chiều xe chạy riêng biệt, không giao nhau cùng mức với một hoặc các đường khác, chỉ cho xe ra, vào ở những điểm nhất định. Có hàng rào bảo vệ, trang thiết bị phục vụ, bảo đảm giao thông liên tục, an toàn, rút ngắn thời gian hành trình.
5	121	3	Đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ.
6	36	4	Người tham gia giao thông đường bộ ở phía trước và phía sau người điều khiển phải dừng lại; người tham gia giao thông đường bộ ở phía bên phải và phía bên trái người điều khiển được đi tất cả các hướng.

7	175	4	Cả ba ý trên.
8	179	1	Phải chạy với tốc độ quy định trong giấy phép và phải có báo hiệu kích thước của hàng; trường hợp cần thiết, phải có người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khi vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
9 ĐIỂM LIỆT	102	4	Cả ba ý trên.
10	199	2	Dừng xe, hỗ trợ nạn nhân và báo cho cơ quan chức năng.
11	210	1	Quan sát biển báo hiệu để biết nơi được phép quay đầu; quan sát kỹ địa hình nơi chọn để quay đầu; lựa chọn quỹ đạo quay đầu xe cho thích hợp; quay đầu xe với tốc độ thấp; thường xuyên báo tín hiệu để người, các phương tiện xung quanh được biết; nếu quay đầu xe ở nơi nguy hiểm thì đưa đầu xe về phía nguy hiểm, đưa đuôi xe về phía an toàn.
12	272	1	Hết nhiên liệu, lỗi lọc nhiên liệu bị tắc, lọc khí bị tắc, nhiên liệu lẫn không khí, tạp chất.
13	455	1	Bắt buộc.
14	379	3	Đề báo trước sắp đến vị trí đường sắt giao không vuông góc với đường bộ, không có người gác và không có rào chắn.
15	417	1	Chỗ ngoặt nguy hiểm có nguy cơ lật xe bên phải khi đường cong vòng sang trái.
16	436	4	Biển 1 và biển 2.
17	464	2	Biển 2.
18	402	3	Biển 3.
19	330	1	Biển 1.
20	437	3	Biển 3.
21	307	3	Biển 2 và biển 3.
22	515	2	Vi phạm.
23	526	2	Vi phạm.
24	600	2	Giảm tốc độ chờ xe container rẽ xong rồi tiếp tục đi.
25	493	1	Xe con (A), xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu, xe con (B).

26	560	2	Xe tải.
27	512	2	Hướng 3
28	500	2	Xe con, xe tải.
29	525	1	Xe mô tô.
30	549	2	Xe tải.

ĐỀ SỐ 04

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	132	4	Ý 1 và ý 2.
2	120	3	27 tuổi.
3	6	1	Là người điều khiển xe cơ giới, người điều khiển xe thô sơ, người điều khiển xe máy chuyên dùng.
4	76	1	Phải đội mũ bảo hiểm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và cài quai đúng quy cách, không sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính).
5	153	1	Xe ô tô chở người đến 28 chỗ không kể chỗ của người lái xe (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải không lớn hơn 3,5 tấn.
6	110	1	Giảm tốc độ, có tín hiệu rẽ phải để báo hiệu cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phía sau biết được vượt và đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được cản trở đối với xe xin vượt.
7	13	2	Là Cảnh sát giao thông và người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ.
8	50	1	Để báo hiệu cho người tham gia giao thông đường bộ khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông hoặc báo hiệu chuẩn bị vượt xe.
9 ĐIỂM LIỆT	253	1	Quan sát, giảm tốc độ, phát tín hiệu, nhường đường cho xe trên đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

10	189	1	Hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông đường bộ; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng khi tham gia giao thông; tôn trọng, nhường nhịn, giúp đỡ và ứng xử có văn hóa với những người cùng tham gia giao thông.
11	238	1	Vị trí N hoặc vị trí P hoặc số 0
12	280	1	Dùng để truyền mô men quay từ động cơ tới các bánh xe chủ động của xe ô tô.
13	476	3	Vạch 3.
14	479	4	Vạch 1 và vạch 3.
15	323	3	Cả hai biên.
16	324	1	Biên 1.
17	442	1	Biên 1 và biên 2.
18	472	2	Biên 2.
19	460	1	Chỉ dẫn khoảng cách đến làn đường cứu nạn (làn thoát xe khẩn cấp).
20	407	2	Biên 2.
21	368	3	Biên 3.
22	578	4	Ý 1 và ý 2.
23	490	3	Xe mô tô, xe con, xe tải.
24	522	2	Hướng 2 và 3.
25	550	1	Quay đầu theo hướng A.
26	504	3	Xe mô tô, xe tải, xe khách, xe con.
27	539	3	Hướng 1 và 3
28	576	2	Xe của bạn.
29	561	3	Xe khách, xe tải.
30	508	1	Cả hai xe.

ĐỀ SỐ 05

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
-----	-----------------------	--------	----------------------

1	43	2	Đi về bên phải theo chiều đi của mình.
2	44	2	Đi trên làn đường bên trái.
3	42	1	Không được cho trẻ em ngồi cùng hàng ghế với người lái xe, trừ loại xe ô tô chỉ có một hàng ghế; người lái xe phải sử dụng, hướng dẫn sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em.
4	45	3	Khi xe sau xin vượt nếu đủ điều kiện an toàn.
5	84	2	Quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay theo hướng rẽ đối với xe thô sơ không có đèn báo hướng rẽ, chuyển dần sang làn gần nhất với hướng rẽ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng. Khi bảo đảm an toàn, không gây trở ngại cho người và phương tiện khác mới được chuyển hướng.
6	149	1	Xe ô tô chở người đến 28 chỗ không kể chỗ của người lái xe (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải không lớn hơn 3,5 tấn.
7	82	1	Có tín hiệu rẽ trái để báo hiệu cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phía sau biết là chưa được vượt.
8	144	2	40 km/h.
9	35	4	Cả ba ý trên.
ĐIỂM LIỆT			
10	181	1	Được khách hàng, xã hội tôn trọng; được đồng nghiệp quý mến, giúp đỡ; được doanh nghiệp tin dùng và đóng góp nhiều cho xã hội; thu hút được khách hàng, góp phần quan trọng trong xây dựng thương hiệu, kinh doanh có hiệu quả cao.
11	222	2	Không được nhìn xuống buồng lái, cần phải giảm thứ tự từ cao xuống thấp, phối hợp các động tác phải nhịp nhàng, chính xác, vù ga phải phù hợp với tốc độ.
12	294	4	Ý 2 và ý 3
13	438	4	Biển 2 và biển 3.
14	423	2	Đề báo trước nơi có kết cấu mặt đường rời rạc, khi phương tiện đi qua, làm cho các viên đá, sỏi văng lên gây nguy hiểm và mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.
15	408	1	Biển 1.
16	316	3	Cả hai biển.
17	347	2	Chiều dài đoạn đường cấm bóp còi từ nơi đặt biển.

18	339	1	Cấm các loại xe có tải trọng toàn bộ trên 10 tấn đi qua.
19	304	1	Biển 1 và biển 2.
20	327	2	Biển 1 và biển 3.
21	425	2	Báo hiệu khu vực có đường dây điện cắt ngang phía trên tuyến đường.
22	574	3	Nhường đường cho xe đạp và xe khách.
23	487	2	Xe tải, xe mô tô, xe khách, xe con.
24	529	3	Xe mô tô, xe tải.
25	520	4	Xe mô tô + xe đạp, xe con (A), xe con (B).
26	579	3	Giảm tốc độ, dừng lại nhường đường.
27	502	2	Chỉ hướng 1.
28	534	1	Xe khách và xe tải, xe con.
29	591	1	Xe tải.
30	585	1	Xe của bạn.

ĐỀ SỐ 06

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	161	1	35 m.
2	11	3	Cả hai ý trên.
3	99	1	Dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện giao thông đường sắt tới mới được đi qua.
4	142	1	Tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe.
5	125	1	Xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm ³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW.
6	134	1	Các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc.
7	60	1	0,25 mét.

8	79	2	Xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.
9 ĐIỂM LIỆT	165	4	Cả ba ý trên.
10	200	3	Kiên nhẫn tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc tín hiệu đèn giao thông, di chuyển trên đúng phần đường bên phải theo chiều đi, nhường đường cho các phương tiện đi ngược chiều.
11	231	4	Sắp hết nhiên liệu
12	296	1	Dùng để kích (hay nâng) xe ô tô.
13	450	1	Biển 1.
14	470	1	Biển 1.
15	378	4	Biển 1 và biển 2.
16	319	1	Biển 1.
17	357	1	Không được phép.
18	321	2	Biển 2.
19	359	2	Hạn chế chiều ngang của xe và hàng.
20	306	1	Biển 1.
21	355	1	Không được phép.
22	536	1	Xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe con, xe tải, xe khách.
23	580	1	Phanh xe giảm tốc độ và đi sát lề đường bên phải.
24	589	2	Xe tải, xe con, xe của bạn.
25	581	2	Phanh xe giảm tốc độ chờ xe tải phía trước chuyển làn đường
26	527	3	Xe con.
27	497	1	Xe con.
28	559	4	Cả hai xe.
29	546	2	Xe con (B).
30	588	2	Xe của bạn.

ĐỀ SỐ 07

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	176	1	Phải có giấy phép vận chuyển; trong trường hợp cần thiết, đơn vị vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải bố trí người áp tải để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
2	120	3	27 tuổi.
3	145	1	60 km/h.
4	116	2	Không.
5	164	1	Tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng xe, đỗ xe tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón trẻ em mầm non, học sinh.
6	134	1	Các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc.
7	135	1	Các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.
8	49	2	Từ 05 giờ đến 22 giờ.
9 ĐIỂM LIỆT	260	3	Tăng ga từ từ, giảm ga thật nhanh.
10	193	1	Chỉ bấm còi khi thật sự cần thiết, không bấm còi liên tục hoặc kéo dài, sử dụng còi với mức âm lượng theo quy định.
11	247	3	Cả hai ý trên
12	264	3	Rút que thăm dầu trên các-te, lau sạch que thăm sau đó cắm vào các-te và rút ra quan sát vệt dầu trên que thăm, mức dầu phải nằm trong khoảng vạch mức tối thiểu và tối đa được thể hiện trên que thăm.
13	396	2	Biển 2.
14	382	1	Biển 1.
15	366	2	Báo hiệu tốc độ tối thiểu cho phép các xe cơ giới chạy.

16	363	2	Biển 2.
17	471	3	Biển 3.
18	461	1	Được phép chuyển sang làn khác.
19	340	3	Cả hai biển.
20	312	2	Biển 2.
21	372	3	Biển 3.
22	544	1	Nhường xe con rẽ trái trước.
23	589	2	Xe tải, xe con, xe của bạn.
24	494	2	Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ chữa cháy, xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu, xe con.
25	572	2	Giảm tốc độ, rẽ phải sau xe tải và xe đạp.
26	562	2	Xe tải, xe khách, xe mô tô.
27	588	2	Xe của bạn.
28	528	3	Tất cả các xe phải dừng lại trước ngã tư, trừ những xe đã ở trong ngã tư được phép tiếp tục đi.
29	554	2	Xe con (A), xe con (C), xe con (E), xe buýt (G).
30	498	2	Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ chữa cháy.

ĐỀ SỐ 08

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	146	2	50 km/h.
2	150	2	Xe ô tô chở người trên 28 chỗ không kể chỗ người lái xe (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải trên 3,5 tấn (trừ ô tô xi téc).
3	96	1	Giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường.
4	129	3	Cả hai ý trên.

5	103	1	Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn chiếu gần; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu; không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải đưa xe vào vị trí dừng xe, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách bảo đảm an toàn.
6	159	3	100 m.
7	7	1	Là người điều khiển xe cơ giới
8	151	3	Xe buýt; ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc (trừ ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc xi téc); xe mô tô; ô tô chuyên dùng (trừ ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông lưu động).
9 ĐIỂM LIỆT	85	3	Phải quan sát hai bên và phía sau xe, có tín hiệu lùi và chỉ lùi xe khi bảo đảm an toàn.
10	196	1	Đặt nạn nhân nằm ngửa, khai thông đường thở của nạn nhân; thực hiện các biện pháp hô hấp nhân tạo.
11	235	3	Cả hai ý trên
12	275	2	Là loại động cơ: để hoàn thành một chu trình công tác của động cơ, pít tông thực hiện 4 (bốn) hành trình, trong đó có một lần sinh công.
13	467	4	Ý 1 và ý 3.
14	318	1	Biển 1 và biển 2.
15	447	2	Biển 2.
16	354	2	Cấm dừng và đỗ xe theo hướng bên phải.
17	326	3	Biển 1 và biển 2.
18	346	2	Cấm các loại xe cơ giới và xe mô tô (trừ xe ưu tiên theo luật định) đi về bên trái và bên phải.
19	415	1	Biển 1.
20	414	1	Biển 1.
21	310	4	Biển 2 và biển 3.
22	517	2	Xe mô tô.
23	537	4	Hướng 1, 3 và 4.
24	553	3	Xe con, xe tải.

25	503	1	Xe khách, xe tải, xe mô tô.
26	527	3	Xe con.
27	555	2	Cấm vượt.
28	510	2	Không đúng.
29	598	2	Không được vượt.
30	488	1	Xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe con, xe tải, xe khách.

ĐỀ SỐ 09

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
1	128	2	Xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg.
2	54	3	Cả hai ý trên.
3	78	2	Phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước; phải quan sát bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và hai bên mới được chuyển làn.
4	131	3	Cả hai ý trên.
5	133	2	Các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg.
6	169	4	Cả ba ý trên.
7	82	1	Có tín hiệu rẽ trái để báo hiệu cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phía sau biết là chưa được vượt.
8	160	1	55 m.
9	260	3	Tăng ga từ từ, giảm ga thật nhanh.
ĐIỂM LIỆT			
10	199	2	Dừng xe, hỗ trợ nạn nhân và báo cho cơ quan chức năng.

11	212	2	Về số thấp từ chân dốc, điều chỉnh ga cho xe từ từ lên dốc; đến gần đỉnh dốc phải đi chậm, đi sát về phía bên phải đường, có tín hiệu (còi, đèn) để báo cho người lái xe đi ngược chiều biết.
12	269	3	Cả hai ý trên.
13	374	3	Biển 2 và biển 3.
14	411	2	Biển 2.
15	422	1	Đề báo trước gần tới đoạn đường có hiện tượng đất đá từ trên ta luy dương sụt lở bất ngờ gây nguy hiểm cho xe cộ và người đi đường.
16	482	4	Vạch 1 và vạch 3.
17	448	3	Biển 3.
18	416	2	Biển 2.
19	432	3	Không biển nào.
20	473	2	Biển 1 và biển 3.
21	433	1	Biển 1.
22	588	2	Xe của bạn.
23	524	2	Trừ hướng 2.
24	540	2	Xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe con + xe mô tô.
25	557	3	Vị trí B và C.
26	499	1	Xe con và xe khách.
27	591	1	Xe tải.
28	592	1	Xe con.
29	590	3	Giảm tốc độ cho xe đi sát phần đường bên phải.
30	564	2	Quan sát phía trước, phía sau, khi đủ điều kiện an toàn, bật tín hiệu bằng đèn hoặc còi rồi cho xe chạy vượt qua.

ĐỀ SỐ 10

Câu	Số hiệu trong 600 câu	Đáp án	Nội dung đáp án đúng
-----	-----------------------	--------	----------------------

1	1	2	Phần đường xe chạy
2	12	3	Cả hai ý trên.
3	9	1	Xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện; xe xích lô; xe lăn dùng cho người khuyết tật; xe vật nuôi kéo và các loại xe tương tự.
4	119	3	18 tuổi.
5	4	2	Để phân chia phần đường xe chạy thành hai chiều riêng biệt hoặc để phân chia phần đường dành cho xe cơ giới và xe thô sơ hoặc của nhiều loại xe khác nhau trên cùng một chiều đường.
6	142	1	Tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe.
7	33	3	Năm nhóm: Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ.
8	112	2	Chỉ được đi ngược chiều trên làn dừng xe khẩn cấp.
9	22	2	Tùy theo mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự.
ĐIỂM LIỆT			
10	190	2	Chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông, quy định về tốc độ, tín hiệu đèn, biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi lái xe; nhường đường cho người đi bộ, người già, trẻ em, người khuyết tật.
11	207	1	Đạp bàn đạp phanh chân hết hành trình, vào số và nhả phanh đỗ, kiểm tra lại xem có bị nhầm số không rồi mới cho xe lăn bánh.
12	277	3	25 năm
13	484	2	Báo hiệu sắp đến chỗ có bố trí vạch đi bộ qua đường.
14	426	2	Biển 2.
15	325	2	Biển 2.
16	301	1	Biển 1.
17	453	3	Đỗ từ 1/2 thân xe trở lên trên hè phố.
18	333	3	Biển 3.
19	344	2	Không được phép.
20	469	3	Chỉ dẫn khoảng cách đến trạm kiểm tra tải trọng xe cách 750 m.
21	429	2	Biển 2.
22	595	2	Giữ nguyên đèn chiếu gần, giảm tốc độ, đi sau xe phía trước.
23	582	3	Giảm tốc độ và đi thẳng qua ngã tư.

24	494	2	Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ chữa cháy, xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu, xe con.
25	578	4	Ý 1 và ý 2.
26	534	1	Xe khách và xe tải, xe con.
27	521	1	Chỉ hướng 1.
28	545	2	Hướng 1 và 2
29	535	3	Trừ hướng 4.
30	576	2	Xe của bạn.